

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 - 2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hiệu.

2. Bà Đinh Thị Hương - Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, tỉnh Hưng Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N., sinh năm 1997; Địa chỉ: Xóm 3, thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên; “*vắng mặt*”

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H., sinh năm 1996; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Đài Loan; “*vắng mặt*”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Cháu Nguyễn Trung H1., sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017; Địa chỉ: Xóm 3, thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên; “*vắng mặt*”

Người giám hộ cho cháu H1.: Chị Trần Thị N., là mẹ; “*vắng mặt*”

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Trung S., sinh năm 1953; Địa chỉ: Xóm 3, thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

2. Ông Trần Đoàn V., sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn C.D, xã T.P, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị N. trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung H. sau một thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q.H, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên ngày 05 tháng 01 năm 2017. Sau khi kết hôn anh H. đi lao động tại Đài Loan, tháng 05 năm 2021 chị cũng đi lao động tại Đài Loan. Thời gian chung sống cùng bố mẹ anh H., chị và gia đình anh đã có mâu thuẫn do giữa chị và anh không thống nhất về kinh tế và nuôi dạy con chung nên khi sang Đài Loan chị và anh H. không cùng chung sống. Tháng 11 năm 2022 chị về nước, còn anh H. tiếp tục làm việc tại Đài Loan không quan tâm đến nhau nên vợ chồng đều nhận thấy không còn tình cảm với nhau. Tháng 01 năm 2023 anh H. về nước chơi với gia đình và đề nghị với chị làm thủ tục ly hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì vợ chồng không thể chung sống hạnh phúc được với nhau.

Chị và anh H. có 01 con chung là Nguyễn Trung H1., sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017 đang ở với bố anh H. là ông Nguyễn Trung S.. Khi ly hôn chị và anh H. đã thống nhất, chị nhất trí cho anh H. nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Trung H1. cho đến khi cháu H1. đủ 18 tuổi và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh H..

Về tài sản, nghĩa vụ chung và công sức chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trung H. công nhận lời khai của chị N. về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung, và trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không thống nhất về làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, quan điểm sống dẫn đến không còn quan tâm, tin tưởng, xúc phạm đến nhau nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau vì vậy anh nhất trí ly hôn với chị N..

Anh chị đã thống nhất khi ly hôn anh được nuôi con là Nguyễn Trung H1., sinh ngày 13/11/2017 và chị N. không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh đề nghị Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị về con khi ly hôn. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác.

Ủy ban nhân dân xã Q.H cung cấp: Anh Nguyễn Trung H. và chị Trần Thị N. tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q.H ngày 05/01/2017, quá trình chung sống anh chị có con chung là Nguyễn Trung H1., sinh ngày 13/11/2017. Anh

chị không hòa giải tại địa phương nên Ủy ban nhân dân xã không biết về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng.

Người làm chứng ông Nguyễn Trung S. trình bày: Anh H. và chị Trần Thị N., có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q.H cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, không thống nhất về làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên đã sống ly thân. Anh H. đang lao động tại Đài Loan, khi liên lạc về có trao đổi vợ chồng không còn tình cảm nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo nguyện vọng. Anh H. và chị N. có 01 con chung là Nguyễn Trung H1., sinh ngày 13/11/2017 hiện đang ở với ông nên ông đề nghị Tòa án giao cho anh H. nuôi dưỡng và chăm sóc con theo quan điểm của anh chị và ông sẽ có trách nhiệm chăm sóc cháu H1. cho đến khi anh H. về nước. Anh H. và chị N. không liên quan gì đến tài sản, công sức nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Trần Đoàn V. trình bày: Anh H. và chị N. kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q.H, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do không thống nhất được với nhau về sinh hoạt, nuôi dạy con nên đều xác định không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H1., sinh ngày 13/11/2017. Anh chị không liên quan gì đến gia đình ông về tài sản, công sức với ông nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp: Có trường hợp Nguyễn Trung H., sinh ngày 08/02/1996 tại Hưng Yên, CMND số 145670220; khai hộ khẩu thường trú: V.Q, Q.H, P.C, Hưng Yên; đã xuất nhập cảnh 5 lần, lần cuối sử dụng hộ chiếu số C3184232 để xuất cảnh ngày 12/3/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Cho chị Trần Thị N. được ly hôn anh Nguyễn Trung H.. Giao anh H. nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Trung H1., sinh ngày 13/11/2017; chấp nhận sự tự nguyện của anh H. không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung. Không giải quyết về tài sản, nghĩa vụ và công sức của anh chị. Chị N. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo văn bản số 14189/QLXNC-P5 ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an đã có căn cứ xác định nguyên đơn anh Nguyễn Trung H. đang sinh sống tại nước ngoài nên là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo Điều 35, và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự và người làm chứng đều đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định Điều 228, Điều 229 và Điều 338 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Trần Thị N. và anh Nguyễn Trung H. kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q.H, huyện P.C ngày 05 tháng 01 năm 2017 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Lời khai của anh chị phù hợp với cung cấp của người làm chứng đã có căn cứ xác định vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau dẫn đến sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm lo đến nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N. và anh H. đều xác định vợ chồng không còn tình cảm và đều đề nghị được ly hôn là phù hợp với thực tế hôn nhân của anh chị N. được chấp nhận.

[4] Quan điểm của anh H., chị N. về con phù hợp với thực tế con chung của anh chị đã sống ổn định cùng ông nội nên sẽ giao anh H. tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con là Nguyễn Trung H1., sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017. Quan điểm không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn anh H. là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Chị Trần Thị N. và anh Nguyễn Trung H. không yêu cầu về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác nên không giải quyết.

[6] Chị Trần Thị N. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N., xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị N. ly hôn anh Nguyễn Trung H.
2. Con chung: Giao anh Nguyễn Trung H. trực tiếp nuôi con chưa thành niên là Nguyễn Trung H1., sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017.

Chị Trần Thị N. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu chị N. lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Nguyễn Trung H. có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N..

Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Trung H. không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung; trên cơ sở lợi ích của con, anh H. có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Chị Trần Thị N. và anh Nguyễn Trung H. hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.
4. Án phí: Chị Trần Thị N. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000274 ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; chị N. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Trung H. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Q.H;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quang Tú